

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN
Bản án số 01/2023/HC-PT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Ngày: 21-9-2023
V/v: khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai.

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Nguyễn Lê Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Anh – Thư ký Tòa án nhân dân
tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Phương Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 tháng 7 và 21 tháng 9 năm 2023 tại Hội trường Tòa án
nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý
số: 03/2022/TLPT-HC ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc khiếu kiện quyết
định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 23 tháng 8 năm
2022 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2023/QĐ-PT, ngày
05 tháng 7 năm 2023 và Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa số 257/TB-TA
ngày 30 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Ông Hoàng Ngọc P, sinh năm 1967. Địa chỉ: Khu phố
H, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1984. Địa
chỉ: Khu phố C, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Theo Giấy ủy quyền lập
ngày 03/3/2022 được chứng thực số 67, quyền số 01SCT/CK,ĐC tại Văn phòng
C.

2. **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân phường B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tấn N – Chủ tịch UBND phường;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu H – Phó Chủ tịch UBND phường;

Địa chỉ: Khu phố 4, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị X, sinh năm 1968. Địa chỉ: Khu phố H, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1984. Địa chỉ: Khu phố C, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Theo Giấy ủy quyền lập ngày 03/3/2022 được chứng thực số 67, quyền số 01SCT/CK,ĐC tại Văn phòng C.

4. Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân phường B, thị xã L.

Tại phiên tòa, có mặt ông P, ông B và ông H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Thanh B (người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện Hoàng Ngọc P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị X) trình bày như sau:

Khoảng năm 1990, vợ chồng ông Hoàng Ngọc P và bà Lê Thị X cùng khai phá thửa đất có diện tích khoảng 1.500m² tọa lạc tại thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là khu phố H, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận). Sau đó, gia đình ông P cất nhà ở tạm và canh tác, trồng cây lâu năm trên đất. Đến ngày 11/12/2006 ông P được UBND thị xã L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 026312 đối với phần diện tích 834,9m², phần diện tích còn lại 792,7m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng gia đình ông P vẫn liên tục canh tác, sử dụng ổn định từ đó cho đến nay và không có ai tranh chấp.

Ngày 15/6/2018, người khởi kiện nộp hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên tại UBND phường B; tiến hành đo đạc thực tế diện tích thửa đất còn lại là 408,5m², thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 13. Ngày 10/5/2019, UBND phường B xác nhận nguồn gốc đất: Đất do gia đình ông Hoàng Ngọc P lấn chiếm vào năm 2007 và sử dụng trồng cây lâu năm ổn định cho đến nay.

Ngày 18/7/2019, Chi nhánh Văn phòng Đ xác nhận : Hồ sơ không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 3 Điều 22 Nghị định số 14/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Ngày 27/3/2020, UBND phường B ban hành Văn bản số 96/UBND ngày 27/3/2020 về việc trả lời đơn kiến nghị có nội dung: nguồn gốc đất của ông P

trong đơn đăng ký cấp giấy là lần chiếm vào năm 2007 và thửa đất này quy chủ cho UBND xã T. Không đồng ý với nội dung văn bản số 96/UBND nêu trên, phía người khởi kiện khiếu nại Văn bản này đến UBND phường B và ngày 11/6/2020 UBND phường B ban hành Quyết định số 191/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại và giữ nguyên nội dung công văn số 96/UBND ngày 27/3/2020.

Người khởi kiện khiếu nại Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 đến UBND thị xã L. Ngày 13/10/2020 UBND phường B ban hành Quyết định số 263/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định giải quyết khiếu nại số 191/QĐ-UBND. Ngày 19/10/2020, ông B (người đại diện cho người khởi kiện) rút khiếu nại và UBND thị xã L ban hành quyết định số 1151/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 về việc đình chỉ khiếu nại.

Ngày 03/11/2021, UBND phường B ban hành Văn bản số 298/UBND ngày 03/11/2021 về việc trả lời đơn kiến nghị có nội dung: Nguồn gốc mà phần diện tích 408,5m² ông Hoàng Ngọc P xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 15/6/2018. Qua xác minh, nguồn gốc sử dụng đất này là do gia đình ông Hoàng Ngọc P lần chiếm vào năm 2007.

Nay người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu:

Hủy Văn bản số 298/UBND ngày 03/11/2021 của Ủy ban nhân dân phường B về việc trả lời đơn kiến nghị công dân và đề nghị bổ sung hủy Văn bản số 96/UBND ngày 27/3/2020 của UBND phường B vì văn bản này chưa bị hủy bỏ và có liên quan đến văn bản số 298/UBND nêu trên.

Buộc Ủy ban nhân dân phường B phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật về đất đai đối với yêu cầu xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người khởi kiện đối với diện tích 408,5m², thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khu phố H, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Ông Nguyễn Hữu H là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân phường B trình bày: UBND phường B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, vì ông P không có chứng cứ chứng minh về nguồn gốc sử dụng đất đối với thửa đất liên quan đến việc ông khởi kiện.

Những người làm chứng gồm: Trương Thị B1, Trần Văn T, Nguyễn Văn D, Trần Văn H1, Hoàng Ngọc B2, Nguyễn Thành T1, Phan Văn B3, Lê Hoàng D1, Nguyễn Thị L, Trương Hữu T2 đều cùng xác nhận thửa đất mà ông P xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có tranh chấp với UBND phường B là của gia đình ông Hoàng Ngọc P, có nguồn gốc do khai hoang, thường xuyên canh tác, trồng cây và được sử dụng liên tục cho đến nay.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 23 tháng 8 năm

2022 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi quyết định:

Căn cứ vào các Điều 30, 31, 157, 193, 348 Luật Tổ tụng hành chính, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, Điều 20, 21, 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Ngọc P:

1. Hủy bỏ văn bản số 96/UBND ngày 27/3/2020 và Văn bản số 298/UBND ngày 03/11/2021 của Ủy ban nhân dân phường B về việc xác nhận nguồn gốc đất của ông Hoàng Ngọc P

2. Buộc Ủy ban nhân dân phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực quản lý đất đai cho ông Hoàng Ngọc P đối với thửa đất số 49, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại khu phố H, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/9/2022, UBND phường B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người bị kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Luật tố tụng hành chính quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng: Hủy bỏ toàn bộ Văn bản số 96/UBND ngày 27/3/2020 và một phần Văn bản số 298/UBND ngày 03/11/2021 của Ủy ban nhân dân phường B có nội dung “*Nguồn gốc mà phần diện tích 408,5m2 ông Hoàng Ngọc P xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 15/6/2018. Qua xác minh, nguồn gốc sử dụng đất này là do gia đình ông Hoàng Ngọc P lấn chiếm vào năm 2007*”. Buộc Ủy ban nhân dân phường B thực hiện nhiệm vụ, công vụ đối với việc xác nhận nguồn gốc đất cho ông Hoàng Ngọc P theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra,

xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 298/UBND ngày 03/11/2021 và Văn bản số 96/UBND ngày 27/3/2020 của UBND phường B về việc trả lời đơn kiến nghị của công dân; buộc UBND phường B phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật về đất đai đối với yêu cầu xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần diện tích 408,5m² thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khu phố H, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 30 và khoản 1 Điều 31 Luật tố tụng hành chính thì thẩm quyền thụ lý, giải quyết các yêu cầu khởi kiện nêu trên của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, là đúng quy định.

Xét thấy, Văn bản số 298/UBND ngày 03/11/2021 của UBND phường B là do cơ quan hành chính nhà nước được giao thực hiện quản lý hành chính ban hành, có chứa đựng nội dung xác nhận nguồn gốc đất theo đề nghị của người khởi kiện. Tại đơn kháng cáo ngày 05/9/2022, UBND phường B cho rằng Văn bản số 298/UBND ngày 03/11/2021 và Văn bản số 96/UBND ngày 27/3/2020 của UBND phường B chỉ là văn bản giải quyết kiến nghị của công dân, hai văn bản này không áp dụng để giải quyết hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, ngày 15/6/2018 người khởi kiện nộp hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được đo đạc thực tế là 408,5m², thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 13, quá trình thực hiện thủ tục UBND phường B xác nhận phần diện tích đất này là do ông P lấn chiếm và đây là đất thuộc UBND phường quản lý, từ đó dẫn đến việc Chi nhánh Văn phòng Đ hoàn trả hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P. Tiếp đó, ngày 27/3/2020 UBND phường B ban hành Văn bản số 96/UBND về việc trả lời đơn kiến nghị có nội dung: nguồn gốc đất của ông P trong đơn đăng ký cấp giấy là lấn chiếm vào năm 2007 và thửa đất này quy chủ cho UBND xã T.

Người khởi kiện đã thực hiện việc khiếu nại đối với Văn bản trên, ngày 11/6/2020 UBND phường B ban hành Quyết định số 191/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại và giữ nguyên nội dung công văn số 96/UBND ngày 27/3/2020. Sau đó, người khởi kiện tiếp tục khiếu nại lên UBND thị xã L, ngày 13/10/2020 UBND phường B ban hành Quyết định số 263/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định giải quyết khiếu nại số 191/QĐ-UBND. Ngày 19/10/2020, ông B (người đại diện cho người khởi kiện) rút khiếu nại và UBND thị xã L ban hành quyết định số 1151/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 về việc đình chỉ khiếu nại.

Như vậy, nội dung xác nhận thẩm định nguồn gốc sử dụng đất tại hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2018 của UBND phường B

chưa bị hủy bỏ. Việc người khởi kiện đề nghị xác nhận lại nguồn gốc sử dụng đất là nhằm thay đổi tính pháp lý của nội dung xác nhận này, để thực hiện thủ tục xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, Văn bản số 298/UBND ngày 03/11/2021 của UBND phường B làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, được xác định là quyết định hành chính bị kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính, xét thấy thời hiệu khởi kiện vẫn còn, nên Tòa án nhân dân thị xã La Gi thụ lý, giải quyết là đúng quy định.

Tuy nhiên, đối với yêu cầu *“buộc UBND phường B phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật về đất đai đối với yêu cầu xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P”*. Xét thấy đây là hệ quả kéo theo trong trường hợp yêu cầu khởi kiện quyết định hành chính được chấp nhận theo quy định tại Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định quan hệ tranh chấp là: *“Khiếu kiện quyết định hành chính và buộc thực hiện nhiệm vụ công vụ trong lĩnh vực quản lý đất đai”* là chưa đúng với bản chất vụ án. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là: *“Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai”*.

Ngày 03/11/2021, UBND phường B ban hành Công văn số 298/UBND. Ngày 08/11/2021, ông Huỳnh Ngọc P1 nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã La Gi theo dấu của dịch vụ bưu chính nơi gửi nên yêu cầu khởi kiện đối với văn bản này là trong thời hiệu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính. Đối với Công văn số 96/UBND, được UBND phường B ban hành để trả lời đơn kiến nghị của ông Nguyễn Thanh B, liên quan đến nội dung được nêu tại Công văn số 96/UBND, và nội dung vụ án, nên Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết trong cùng vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Ngọc P, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Người khởi kiện đã thực hiện việc khiếu nại Văn bản số 96/UBND, đã được UBND phường B giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 11/6/2020, nhưng sau đó đã được U, thu hồi. Tại phần kết luận của Biên bản đối thoại ngày 25/9/2020 của UBND thị xã L thể hiện:

“Cần làm rõ thêm các việc sau liên quan tính hợp pháp của nguồn gốc đất.

- Bản đăng ký kê khai cấp GCNQSD đất của ông Hoàng Ngọc P năm 2006 là 1500m², còn lý do vì sao cấp 834,9m² thì chưa rõ, phường cũng đã xác nhận trong hồ sơ. Cần làm rõ thêm việc này.

- Sổ mục kê phục vụ cho công tác theo dõi việc quản lý đất đai tại địa

phương, còn việc quản lý thực tế là tùy thuộc vào tình hình nên cần phải chứng minh việc quản lý đối với thửa đất số 14, tờ bản đồ 13 và việc quản lý đối với thửa đất ông B khiếu nại.

- Lấy ý kiến khu dân cư trong trường hợp này là đúng theo quy định pháp luật, cần xác minh thêm việc này được thực hiện như thế nào. Nội dung ý kiến đó được thực hiện ra sao, cần làm rõ.”

Nội dung kết luận trên của UBND thị xã L đã thể hiện, việc xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của UBND phường B tại hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tại Văn bản số 96/UBND ngày 27/3/2020 là chưa đủ trình tự, thủ tục, cần phải bổ sung, thực hiện lại. Đồng thời, tại Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 của UBND phường B về việc thu hồi, hủy bỏ quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 cũng đã thừa nhận quyết định số 191/QĐ-UBND còn nhiều thiếu sót về thủ tục. Xét thấy nội dung xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của người khởi kiện là do lấn chiếm đến nay vẫn tồn tại trên thực tế, người khởi kiện không thể làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nên việc đề nghị xác nhận lại nguồn gốc của người khởi kiện là cần thiết và phù hợp với nội dung kết luận tại Biên bản đối thoại ngày 25/9/2020 của UBND thị xã L.

UBND phường B chưa thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định về việc xác nhận nguồn gốc sử dụng đất nhưng đã ban hành Văn bản số 298/UBND là trái quy định tại Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP. Văn bản số 96/UBND mặc dù đã được giải quyết khiếu nại lần đầu nhưng đã được thu hồi theo Quyết định số 263/QĐ-UBND của UBND phường B. Tại quyết định thu hồi đáng lý phải xem xét, đánh giá nội dung xác nhận theo Văn bản số 96/UBND, nhưng không đề cập đến nội dung này là thiếu sót. Xét thấy, đây là văn bản hành chính liên quan, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của đương sự, cụ thể là quyền yêu cầu thực hiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó cần thiết xem xét trong bản án này là đúng với quy định tại Điều 6 Luật tổ tụng hành chính.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân thị xã La Gi thực hiện vào ngày 06/5/2022, thể hiện trên thửa đất số 49, tờ bản đồ số 13, có các cây phi lao, cây keo, cây me, cây dừa, cây xà cừ và một số cây trồng khác. UBND phường B xác định gia đình ông P lấn chiếm đất này từ năm 2007 và sử dụng trồng cây lâu năm ổn định cho đến nay. Như vậy, UBND phường B thừa nhận và không phản đối quyền sở hữu tài sản của gia đình ông P đối với các tài sản gắn liền với thửa đất số 49, tờ bản đồ số 13. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 20/7/2023, giữa người khởi kiện và người bị kiện không thống nhất về tuổi của các loại cây trồng có trên đất và theo yêu cầu của các bên, Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa để thực hiện giám định tuổi cây. Theo Kết quả

giám định số 523/CNR-VP ngày 24/8/2023 của V thuộc V1, Bộ N1 xác định: cây phi lao có số tuổi (năm) 24 ± 1 , cây me có số tuổi (năm) là 20 ± 1 . Như vậy, tính đến thời điểm lấy mẫu để giám định (ngày 15/8/2023) thì thời điểm cây được tạo lập là vào khoảng năm 1999 đối với cây phi lao và khoảng năm 2003 đối với cây me. Như vậy, có căn cứ để xác định hộ gia đình ông P đã tác động trên thửa đất diện tích $408,5m^2$ mà ông đăng ký cấp giấy chứng nhận QSDĐ là khoảng vào năm 1999. Tại phiên tòa phúc thẩm, UBND phường B cho rằng cây trồng trên đất không phải do gia đình ông P trồng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Như vậy, nội dung xác nhận của UBND phường B về thời điểm sử dụng đất vào năm 2007 đối với thửa đất số 49, tờ bản đồ số 13, có diện tích $408,5m^2$ tại đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đứng tên ông Hoàng Ngọc P và bà Lê Thị X đề ngày 15/6/2018 là không có căn cứ.

Xét thấy nhận định của Bản án sơ thẩm là có căn cứ. Tuy nhiên, Văn bản số 298/UBND ngày 03/11/2021 của UBND phường B chỉ có một phần nội dung *“Nguồn gốc mà phần diện tích $408,5m^2$ ông Hoàng Ngọc P xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 15/6/2018. Qua xác minh, nguồn gốc sử dụng đất này là do gia đình ông Hoàng Ngọc P lấn chiếm vào năm 2007”* là liên quan và ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của người khởi kiện; phần diện tích còn lại chưa được đo đạc cụ thể, chưa thực hiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên nội dung trả lời của UBND phường B là phù hợp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy toàn bộ Văn bản số 298/UBND là không đúng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện nhưng không tuyên trả lại tiền tạm ứng án phí cho người khởi kiện là thiếu sót.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của UBND phường B và đề nghị sửa bản án sơ thẩm. Xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Do bản án sơ thẩm bị sửa nên UBND phường B không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Chấp nhận một phần kháng cáo của Ủy ban nhân dân phường B. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào các Điều 30, 31, 157, 193, 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Điều 20, 21, 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Ngọc P:

1. Hủy Văn bản số 96/UBND ngày 27/3/2020 của UBND phường B và một phần Văn bản số 298/UBND ngày 03/11/2021 của Ủy ban nhân dân phường B có nội dung *“Nguồn gốc mà phần diện tích 408,5m² ông Hoàng Ngọc P xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 15/6/2018. Qua xác minh, nguồn gốc sử dụng đất này là do gia đình ông Hoàng Ngọc P lấn chiếm vào năm 2007”*.

2. Buộc Ủy ban nhân dân phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận thực hiện nhiệm vụ, công vụ đối với việc xác nhận nguồn gốc đất cho ông Hoàng Ngọc P theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng sơ thẩm: Người khởi kiện tự nguyện chịu 2.000.000 đồng đã chi cho việc xem xét thẩm định tại chỗ.

4. Về án phí sơ thẩm: Ủy ban nhân dân phường B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Hoàng Ngọc P 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004813 ngày 17/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi.

5. Về chi phí tố tụng phúc thẩm: Người khởi kiện tự nguyện chịu 15.500.000 đồng đã chi cho việc giám định.

6. Về án phí phúc thẩm: Hoàn trả lại cho Ủy ban nhân dân phường B 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012808 ngày 14/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (21/9/2023)/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND TX. La Gi;
- VKSND TX. La Gi;
- Chi Cục THADS TX. La Gi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HC; Tổ HCTP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Phước Hiệu

